TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN B** **TỈNH BẮC KẠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 05/2021/QĐST-HNGĐ	*B, ngày 09 tháng 3 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 04/2021/TLST - HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2021, giữa:

- Nguyên đơn: Anh Hà Sỹ V, sinh năm 1990.

- Bị đơn: Chị Ma Thị Đ, sinh năm 1990.

Cùng trú tại: Thôn L, xã Q, huyện B, tỉnh Bắc Kạn.

Căn cứ Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 55, 81, 82, 83, 107, 117 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Áp dụng Điều 147/Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/PL-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 01 tháng 3 năm 2021.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 01 tháng 3 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Hà Sỹ V và chị Ma Thị Đ.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 *Về quan hệ hôn nhân:* Anh Hà Sỹ V và chị Ma Thị Đ nhất trí thuận tình ly hôn.

2.2. *Về con chung:* Anh Hà Sỹ V và chị Ma Thị Đ nhất trí thỏa thuận giao con chung tên là Hà Mai P, sinh ngày 15/5/2012 (c*on khỏe mạnh, phát triển bình thường)* cho anh V trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn chị Đ có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con mà không ai được cản trở.

2.3. *Về cấp dưỡng nuôi con chung:* Chị Ma Thị Đ phải cấp dưỡng nuôi con chung với số tiền là 2.000.000đồng/01tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Việc cấp dưỡng được thực hiện định kỳ hàng tháng, kể từ khi quyết định có hiệu lực pháp luật.

Việc thi hành án đối với khoản tiền cấp dưỡng nuôi con được thực hiện theo Điều 357/Bộ luật dân sự và Điều 26 của Luật thi hành án dân sự.

"Trong trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự".

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

2.4. *Về chia tài sản chung*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.5. *Về nợ chung:* Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.6. Về án phí: Anh Hà Sỹ V tự nguyện chịu toàn bộ 150.000đ *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)*. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 08793 ngày 19/02/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bắc Kạn, anh Hà Sỹ V được hoàn trả lại số tiền 150.000đ *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)*. Chị Ma Thị Đ phải chịu 150.000đ *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)* án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- VKSND huyện B;
- TAND tỉnh Bắc Kạn;
- UBND xã Q;
- Chi cục THA huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

THẨM PHÁN
(Đã ký)

Triệu Thị Huyền